`TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 340/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29-11-2019
V/v: "Ly hôn, con chung giữa anh TH và chị D"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Hòe.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hóa;

Ông Nguyễn Hải Sơn.

Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuyến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Côn – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 285/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2019 về việc "Ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Minh TH, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ dân phố số 3, thị trấn YD, huyện HH, tỉnh Nam Định;

Bị đơn: Chị Bùi Thị Phương D, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ dân phố số 3, thị trấn YD, huyện HH, tỉnh Nam Định.

(Có mặt anh TH, vắng mặt chị D)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 06-6-2019, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Lê Minh TH trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Minh TH và chị Bùi Thị Phương D đăng ký kết hôn ngày 07-01-1994 tại Ủy ban nhân dân xã Hải Hòa, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn,vợ chồng chung sống cùng bố mẹ đẻ anhTH tại xã Hải Hòa đến năm 2008 thì mua nhà đất ở riêng. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2012 thì mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do công việc làm ăn không thuận lợi, kinh tế gia đình vợ chồng không thống nhất nên thường xuyên cãi chửi nhau. Những năm gần đây, thường xuyên các cá nhân, tổ chức đến nhà tìm chị D đòi nợ khiến cuộc sống gia đình bị xáo trộn. Mặc dù đã tìm mọi cách khắc phục nhưng mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện, vợ chồng sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm kể từ đầu năm 2018 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh TH đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị D.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Lê Văn Tùng, sinh ngày 13-6-1995 và Lê Thị Ngọc Trâm, sinh ngày 25-10-2004. Hiện nay cháu Tùng đã trưởng thành, lao động tự lập được nên anh TH không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, nếu cháu Trâm có nguyện vọng ở với chị D, anh TH nhất trí và nhận có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản: Vợ chồng đang sử dụng khoảng 3 sào đất ruộng nông nghiệp tại tổ dân phố số 3, thị trấn Yên Định, trên đất có xây một nhà tạm để ở. Ngoài ra, giữa anh TH, chị D không còn tài sản chung gì khác, không vay nợ chung. Khi ly hôn, do tài sản chung giá trị không lớn lại đang có tranh chấp, chưa làm thủ tục sang tên nên anh TH không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 17-10-2019, bị đơn chị Bùi Thị Phương D có lời khai phù hợp với lời khai của anh TH về thời gian kết hôn, quá trình chung sống. Về nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn theo chị D là do khoảng từ năm 2015 việc kinh doanh thất bại, mọi khoản nợ do chị D đứng ra vay để phát triển kinh tế gia đình nhưng anh TH không công nhận nên chị D phải trả nợ một mình. Từ đó, vợ chồng thường đánh cãi chửi nhau, tình cảm lạnh nhạt. Từ tháng 4/2018, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng vì các chủ nợ đến đòi nợ; để gia đình được yên ổn, chị D đã bỏ đi làm ăn xa nhưng hàng tháng vẫn về thăm các con. Từ tháng 6/2019, chị D phát hiện anh TH chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác thì vợ chồng mới chính thức sống ly thân. Nay anh TH làm đơn xin ly hôn, chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị D công nhận vợ chồng có hai con chung như anh TH đã trình bày. Hiện nay, cháu Tùng đã trưởng thành nên chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, chị D có nguyện vọng được nuôi cháu Trâm, đề nghị anh TH đóng góp tiền cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Về tài sản: Quá trình chung sống, vợ chồng đã tạo lập được nhà đất tại tổ dân phố số 3 thị trấn Yên Định và 03 sào ruộng nông nghiệp mua giấy viết tay nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Do làm ăn thua lỗ nên vợ chồng đã bán nhà đất tại tổ dân phố số 3 thị trấn Yên Định vào năm 2015 để trả nợ cho Ngân hàng Vietinbank. Số tiền bán nhà còn lại sau trả Ngân hàng là 1.850.000.000đ đã dùng một phần xây trang trại chăn nuôi, một phần góp chung suất xe với em gái chị D, phần còn lại mua xe trả góp chạy bắc nam. Đến nay, chị D xác định, tài sản vợ chồng còn lại là chiếc xe mang tên "Kiểm TH" trị giá khoảng 2,4 tỷ và 500.000.000đ tiền mặt nhưng còn phải trả góp cho Ngân hàng khoảng 700.000.000đ, chị D đề nghị Tòa án chia tài sản chung vợ chồng.

Tòa án đã ra thông báo nộp tạm ứng án phí chia tài sản; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ giao cho chị D. Hết thời hạn theo thông báo, chị D không nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản theo quy định, không đến tham gia phiên họp, tiếp tục đi làm ăn không để lại địa chỉ. Do đó, Tòa án không chấp nhận yêu cầu chia tài sản của chị D và giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Toà án đã tống đạt hợp lệ cho chị D bằng thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng sau: Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Như vậy, chị D đã biết hoặc có nghĩa vụ phải biết quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, anh TH giữ ý kiến như đã trình bày, tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Trâm 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 12 năm 2019 đến khi cháu Trâm trưởng thành, tự lập được. Chị D vắng mặt lần 2 không có lý do.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Bùi Thị Phương D được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không lý do. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị D là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ vợ chồng giữa anh Lê Minh TH và chị Bùi Thị Phương D xây dựng trên cơ sở tự nguyện, được Uỷ ban nhân dân xã Hải Hòa, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 07-01-1994. Như vậy, cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không thống nhất trong công việc kinh doanh dẫn đến việc làm ăn thất bại, kinh tế gia đình sa sút, nợ nần nhiều, từ tháng 4/2018 chị D phải bỏ đi làm ăn xa để tránh nợ. Trong thời gian chị D đi làm ăn xa, vợ chồng không tin tưởng nhau nên mâu thuẫn ngày càng

trầm trọng. Vợ chồng sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm, trách nhiệm đã một thời gian dài.

[3] Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh TH và chị D dẫn đến ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm, trách nhiệm là sự việc có thật, được anh TH, chị D thừa nhận. Trong thời gian sống ly thân, bản thân anh TH, chị D đều không có biện pháp, hành động thiết thực nhằm hàn gắn tình cảm nên vợ chồng ngày càng xa cách. Nay anh TH, chị D đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án cho ly hôn.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh TH, chị D đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của anh TH, chị D là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung:* Anh TH, chị D có hai con chung là Lê Văn Tùng, sinh ngày 13-6-1995 và Lê Thị Ngọc Trâm, sinh ngày 25-10-2004. Hiện cháu Tùng đã trưởng thành, tự lập được nên anh TH, chị D không yêu cầu giải quyết. Tại biên bản lấy lời khai, cháu Trâm có nguyện vọng ở với chị D; chị D nhận nuôi cháu Trâm và yêu cầu anh TH cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, anh TH nhất trí giao cháu Trâm cho chị D nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 12/2019 đến khi cháu Trâm trưởng thành. Xét ý kiến của các đương sự, nguyện vọng của con chung là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Do đó, xét cần giao cháu Trâm cho chị D nuôi dưỡng, chăm sóc; anh TH có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị D 2.000.000đ/tháng, kể từ tháng 12/2019 đến khi con chung thành niên, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình và được quyền đi lại thăm con là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Về tài sản*: Quá trình giải quyết vụ án, anh TH không yêu cầu giải quyết về tài sản; chị D đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung vợ chồng nhưng không nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản theo quy định pháp luật nên yêu cầu chia tài sản chung của chị D không được Tòa án chấp nhận. Do đó, về tài sản, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Anh Lê Minh TH phải nộp tiền án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Lê Minh TH và chị Bùi Thị Phương D.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Ngọc Trâm, sinh ngày 25-10-2004 cho chị Bùi Thị Phương D nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Lê Minh TH có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị D 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng, kể từ tháng 12 năm 2019 đến khi con chung thành niên, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Anh TH được quyền thăm con chung, không ai được cản trở việc anh TH thực hiện quyền thăm con nhưng không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; anh Lê Minh TH phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0001851 ngày 17-10-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Anh TH còn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hải Sơn Nguyễn Văn Hóa **Ngô Thị Hòe**

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND thị trấn Yên Định;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Hòe

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND thị trấn Yên Định;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Hòe

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hải Sơn Nguyễn Văn Hóa **Ngô Thị Hòe**